

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc  
và báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2014



**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo về kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 - 11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	12
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 38

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014, thay thế giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Ngày 5 tháng 5 năm 2014, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK chấp thuận việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 615 tỷ đồng Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác.

### CƠ CẤU TỔ CHỨC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 12 tháng 1 năm 2014 như sau:

#### Hội đồng Quản trị

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Lê Minh Tâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2013
Ông Francis Seow	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 11 năm 2013
Ông Jeffrey Goh Cho Kiat	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2013
Bà Ami Moris	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2012
Ông Ong Cheow Kheng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2012

#### Ban Kiểm soát

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Mohamad Yasin bin Abdullah	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2012
Ông Koh Boon Hann	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2012
Bà Nguyễn Tuyết Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2012

Căn cứ vào Quyết định của chủ sở hữu của Công ty ngày 13 tháng 1 năm 2014 về việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng Thành viên và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 1 (2014 - 2016), các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Kiểm soát từ ngày 13 tháng 1 năm 2014 đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### Hội đồng Thành viên

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm</i>
Ông Ronnie Royston Fernandiz	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2014
Ông Lê Minh Tâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014 Từ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2014
Ông Francis Seow	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014
Bà Ami Moris	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014
Ông Jeffrey Goh Cho Kiat	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014
Ông Ong Cheow Kheng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

### **CƠ CẤU TỔ CHỨC** (tiếp theo)

#### **Ban Kiểm soát**

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Mohamad Yasin bin Abdullah	Thành viên Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014 Bổ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2014
Ông Koh Boon Hann	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014
Bà Nguyễn Tuyết Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng**

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hoàng Thiên Trúc	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2010
Bà Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2012

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hoàng Thiên Trúc, chức vụ Tổng Giám đốc.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Hoàng Thiên Trúc  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2014

Số tham chiếu: 60994674/17110913

## BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Chủ sở hữu  
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty"), được trình bày từ trang 5 đến trang 38 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân viên của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

Nguyễn Xuân Đại  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1



Võ Ngọc Thúy An  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2222-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2014

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2014

B01a-CTCK

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>882.278.941.952</b>	<b>704.724.385.645</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>503.279.374.276</b>	<b>352.848.973.344</b>
111	1. Tiền		273.279.374.276	248.840.102.337
112	2. Các khoản tương đương tiền		230.000.000.000	104.008.871.007
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>5.586.600</b>	<b>4.074.400</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		5.586.600	4.074.400
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>7</b>	<b>369.693.162.999</b>	<b>342.552.288.659</b>
132	1. Trả trước cho người bán		209.424.949	760.625.000
135	2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		378.777.936.551	351.105.649.266
138	3. Các khoản phải thu khác		799.190.810	779.403.704
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.093.389.311)	(10.093.389.311)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>9.300.818.077</b>	<b>9.319.049.242</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8.1	3.213.063.234	2.795.709.192
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	37.950.200
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	22	2.475.111.016	3.071.721.279
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8.2	3.612.643.827	3.413.668.571
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>29.770.008.349</b>	<b>30.931.958.504</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>12.181.464.819</b>	<b>14.142.829.611</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	9.946.520.611	11.484.886.859
222	- Nguyên giá		34.849.805.410	34.508.805.410
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(24.903.284.799)	(23.023.918.551)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	2.212.444.208	2.480.797.489
228	- Nguyên giá		17.008.357.266	16.647.026.740
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.795.913.058)	(14.166.229.251)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang		22.500.000	177.145.263
<b>260</b>	<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>17.588.543.530</b>	<b>16.789.128.893</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	5.939.527.364	7.640.112.727
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	11.649.016.166	9.149.016.166
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>912.048.950.301</b>	<b>735.656.344.149</b>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2014

B01a-CTCK

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>270.736.984.901</b>	<b>410.988.727.148</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>270.726.866.183</b>	<b>410.978.608.430</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	153.580.661.454
312	2. Phải trả người bán		74.869.495	533.000.446
313	3. Người mua trả tiền trước		545.032.000	595.032.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.641.305.413	1.883.490.862
315	5. Phải trả người lao động		1.857.062	-
316	6. Chi phí phải trả	14	5.203.874.201	7.085.867.824
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	692.178.639	110.869.634
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	261.733.338.706	247.188.442.651
321	9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		834.410.667	1.243.559
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>10.118.718</b>	<b>10.118.718</b>
335	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	17	10.118.718	10.118.718
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>641.311.965.400</b>	<b>324.667.617.001</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>641.311.965.400</b>	<b>324.667.617.001</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	615.000.000.000	300.000.000.000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.556.412.666	3.556.412.666
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		3.556.412.667	3.556.412.667
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.199.140.067	17.554.791.668
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>912.048.950.301</b>	<b>735.656.344.149</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
<b>006</b>	<b>1. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>3.367.721.050.000</b>	<b>3.205.523.890.000</b>
	<i>Trong đó:</i>		
007	1.1. Chứng khoán giao dịch	2.270.865.640.000	2.070.522.980.000
008	1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	4.920.000	4.080.000
009	1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	1.354.311.360.000	1.441.090.960.000
010	1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	916.549.360.000	629.427.940.000
012	1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	27.736.940.000	34.205.460.000
014	1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	27.736.940.000	34.205.460.000
017	1.3. Chứng khoán cầm cố	24.650.000.000	24.650.000.000
020	1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	24.650.000.000	24.650.000.000
027	1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	87.925.330.000	97.012.450.000
029	1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán bù trừ của khách hàng trong nước	86.972.530.000	97.010.450.000
030	1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán bù trừ của khách hàng nước ngoài	952.800.000	2.000.000
037	1.5. Chứng khoán chờ giao dịch	2.986.500.000	6.276.850.000
039	1.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	2.966.010.000	6.256.960.000
040	1.5.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	20.490.000	19.890.000
042	1.6. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	953.556.640.000	972.856.150.000
044	1.6.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo các khoản vay của khách hàng trong nước	953.556.640.000	972.856.150.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2014

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
<b>050</b>	<b>2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>99.727.150.000</b>	<b>168.947.860.000</b>
	<i>Trong đó:</i>		
051	2.1. Chứng khoán giao dịch	91.878.150.000	161.098.860.000
053	2.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	90.837.450.000	160.068.160.000
054	2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	1.040.700.000	1.030.700.000
056	2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	7.849.000.000	7.849.000.000
058	2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	7.849.000.000	7.849.000.000

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Đào Thị Ngọc Thủy  
Kế toán viên



Trần Thị Ngọc Hương  
Kế toán Trưởng



Nguyễn Hoàng Thiên Trúc  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2014

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

B02a-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu</b>		<b>83.983.570.795</b>	<b>60.412.749.245</b>
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		42.933.831.663	28.985.012.336
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		2.172.510	10.403.506
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		1.546.880.000	177.272.727
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		863.305.707	727.127.949
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		270.000.000	413.181.818
01.9	Doanh thu khác	19	38.367.380.915	30.099.750.909
<b>10</b>	<b>2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>		<b>83.983.570.795</b>	<b>60.412.749.245</b>
<b>11</b>	<b>3. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(46.962.983.990)</b>	<b>(40.012.179.054)</b>
<b>20</b>	<b>4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>		<b>37.020.586.805</b>	<b>20.400.570.191</b>
<b>25</b>	<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	21	<b>(34.779.628.143)</b>	<b>(23.361.367.649)</b>
<b>30</b>	<b>6. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>2.240.958.662</b>	<b>(2.960.797.458)</b>
32	7. Chi phí khác		-	(83.709.221)
<b>40</b>	<b>8. Lỗ khác</b>		-	<b>(83.709.221)</b>
<b>50</b>	<b>9. Tổng lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế</b>		<b>2.240.958.662</b>	<b>(3.044.506.679)</b>
<b>51</b>	<b>10. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	22.1	<b>(596.610.263)</b>	<b>(3.326.082)</b>
<b>60</b>	<b>11. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế TNDN</b>		<b>1.644.348.399</b>	<b>(3.047.832.761)</b>

Người lập:

Người kiểm soát:



Người phê duyệt:

Đào Thị Ngọc Thủy  
Kế toán viên

Trần Thị Ngọc Hương  
Kế toán Trưởng

Nguyễn Hoàng Thiện Trúc  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2014

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>		<b>2.240.958.662</b>	<b>(3.044.506.679)</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao TSCĐ		2.509.050.055	3.533.020.816
03	- Các khoản dự phòng		-	(577.684.815)
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.932.236.145)	(6.307.366.198)
06	- Chi phí lãi vay	20	8.086.748.239	981.051.256
<b>08</b>	<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>5.904.520.811</b>	<b>(5.415.485.620)</b>
09	- Tăng các khoản phải thu		(26.901.490.056)	(80.487.508.196)
10	- (Tăng)/giảm đầu tư ngắn hạn		(804.060)	16.060.955
11	- Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		13.560.549.776	61.385.901.701
12	- Giảm chi phí trả trước		1.283.231.321	1.587.464.341
13	- Tiền lãi vay đã trả		(8.318.378.808)	(853.045.347)
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.698.975.256)	(3.543.591.208)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(17.171.346.272)</b>	<b>(27.310.203.374)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(547.685.263)	(1.392.393.403)
26	2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	752.846.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.730.093.921	7.496.284.302
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>6.182.408.658</b>	<b>6.856.736.899</b>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

B03a-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	18.1	315.000.000.000	-
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		809.838.517.240	161.168.917.212
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(963.419.178.694)	(77.416.265.258)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>161.419.338.546</b>	<b>83.752.651.954</b>
<b>50</b>	<b>Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ</b>		<b>150.430.400.932</b>	<b>63.299.185.479</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	4	<b>352.848.973.344</b>	<b>289.471.624.647</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	4	<b>503.279.374.276</b>	<b>352.770.810.126</b>

Người lập:

Người kiểm soát:


Người phê duyệt:





Đào Thị Ngọc Thủy  
Kế toán viên

Trần Thị Ngọc Hương  
Kế toán Trưởng

Nguyễn Hoàng Thiên Trúc  
Tổng Giám đốc 

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2014

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

B05a-CTCK

VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	Ngày 1 tháng 1 năm 2013	Ngày 1 tháng 1 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014		Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 30 tháng 6 năm 2014
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	315.000.000.000	-	300.000.000.000	615.000.000.000
2. Chiênh lệch đánh giá lại tài sản	(2.298.112.650)	-	-	-	-	-	(1.454.620.770)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	3.556.412.666	3.556.412.666	-	-	-	-	3.556.412.666	3.556.412.666
4. Quỹ dự phòng tài chính	3.556.412.667	3.556.412.667	-	-	-	-	3.556.412.667	3.556.412.667
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	37.015.427.987	17.554.791.668	-	(3.047.832.761)	1.644.348.399	-	33.967.595.226	19.199.140.067
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>341.830.140.670</b>	<b>324.667.617.001</b>	<b>-</b>	<b>(2.204.340.881)</b>	<b>316.644.348.399</b>	<b>-</b>	<b>339.625.799.789</b>	<b>641.311.965.400</b>

Người lập:



Đào Thị Ngọc Thủy  
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Nguyễn Hoàng Thiên Trúc  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2014

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014, thay thế giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Ngày 5 tháng 5 năm 2014, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK chấp thuận việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 615 tỷ đồng Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 240 người (31 tháng 12 năm 2013: 239 người).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.



## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ").

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.



### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm
Phần mềm tin học	3 năm

#### 3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.9 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 24 tháng 10 năm 2008 cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá trị hợp lý để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

##### 3.9.1 Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí, phí ngân hàng và được phản ánh theo giá trị hợp lý trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Thay đổi trong giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.9 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)**

##### **3.9.2 Giá trị hợp lý của chứng khoán**

Giá trị hợp lý của chứng khoán được xác định cho từng loại chứng khoán theo giá mua bán trên thị trường.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày ghi nhận giá trị hợp lý.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá mua thực tế.

##### **3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

##### **3.11 Lợi ích của nhân viên**

###### **3.11.1 Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

###### **3.11.2 Trợ cấp thôi việc**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo.

###### **3.11.3 Bảo hiểm thất nghiệp**

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

##### **3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### *Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

##### *Thu nhập lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ khác*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### 3.14 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu dài hạn bán ra.

#### 3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi) từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### 3.16 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng Thành viên. Việc trích lập các quỹ chỉ thực hiện hàng năm dựa trên số liệu trên báo cáo tài chính năm đó được kiểm toán.

#### 3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận được phân chia cho chủ sở hữu khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Tiền mặt	76.579.641	78.846.093
Tiền gửi ngân hàng	8.695.905.636	349.894.807
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	264.506.888.999	248.411.361.437
Các khoản tương đương tiền	230.000.000.000	104.008.871.007
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>503.279.374.276</u></b>	<b><u>352.848.973.344</u></b>

**5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ (VNĐ)
<b>a. Của Công ty</b>		
- Cổ phiếu	783	8.862.700
<b>b. Của nhà đầu tư</b>		
- Cổ phiếu	1.692.009.279	23.200.966.711.840
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.692.010.062</u></b>	<b><u>23.200.975.574.540</u></b>

**6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	VNĐ				
	Số lượng (đơn vị)	Nguyên giá	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>					
- Cổ phiếu niêm yết	492	4.672.266	1.878.634	(964.300)	5.586.600



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

**6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính như sau:

Chỉ tiêu	Nguyên giá		Tăng/(giảm) so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>						
<i>Có phiếu niêm yết:</i>						
- Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC)	1.430.500	1.430.500	(964.300)	(1.023.500)	466.200	407.000
- Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (PVC)	905.440	905.440	643.160	356.060	1.548.600	1.261.500
- Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	776.508	212.028	409.292	115.572	1.185.800	327.600
- Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVX)	451.804	236.414	199.196	141.586	651.000	378.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	333.770	118.960	222.430	70.240	556.200	189.200
- Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt (BVS)	290.341	290.341	122.459	74.459	412.800	364.800
- Công ty CP FPT (FPT)	271.570	197.050	147.830	132.650	419.400	329.700
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)	56.183	144.663	22.417	69.737	78.600	214.400
- Công ty CP Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex (PGT)	43.050	43.050	52.950	51.450	96.000	94.500
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB)	41.910	65.520	24.090	34.480	66.000	100.000
- Công ty CP Cơ Điện Lạnh (REE)	39.740	187.980	12.860	167.220	52.600	355.200
- Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên (TLH)	31.450	36.260	21.950	16.240	53.400	52.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.672.266</b>	<b>3.868.206</b>	<b>914.334</b>	<b>206.194</b>	<b>5.586.600</b>	<b>4.074.400</b>

VND



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

**7.1 Các khoản phải thu ngắn hạn**

Chi tiêu	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Số Dự phòng đã trích lập
		Tổng số	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số khó đòi	
1. Trả trước cho người bán		760.625.000	-	14.461.324.451	(15.012.524.502)	209.424.949	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		351.105.649.266	-	19.354.640.841.349	(19.326.968.554.064)	378.777.936.551	-	10.093.389.311
- Nghiệp vụ giao dịch ký quỹ	(a)	311.764.487.384	-	16.365.063.068.039	(16.330.112.307.325)	346.715.248.098	-	-
- Nghiệp vụ hợp tác đầu tư	(b)	10.093.389.311	-	-	-	10.093.389.311	-	10.093.389.311
- Các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	(c)	29.082.524.676	-	2.984.640.651.022	(2.991.903.968.861)	21.819.206.837	-	-
- Nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		165.247.895	-	903.068.771	(918.224.361)	150.092.305	-	-
3. Các khoản phải thu khác		779.403.704	-	7.160.168.112	(7.140.381.006)	799.190.810	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi		251.338.139	-	3.060.885.035	(2.859.450.951)	452.772.223	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác		528.065.565	-	4.099.283.077	(4.280.930.055)	346.418.587	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>352.645.677.970</b>	<b>-</b>	<b>19.376.262.333.912</b>	<b>(19.349.121.459.572)</b>	<b>379.786.552.310</b>	<b>-</b>	<b>10.093.389.311</b>

(a) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư, có thời hạn hiệu lực không quá 3 tháng và chịu lãi suất 0,038%/ngày tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2014.

(b) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư. Theo quy định của Ủy ban Chứng khoán, Công ty đã chấm dứt các nghiệp vụ này từ ngày 7 tháng 7 năm 2012. Số dư còn lại là khoản phải thu khó đòi từ năm 2010 và đã được trích lập dự phòng đầy đủ theo chính sách của Công ty.

(c) Đây là khoản tiền Công ty tạm ứng trước cho nhà đầu tư tại ngày nhận được thông báo khớp lệnh bán chứng khoán với mức lãi suất là 0,038%/ngày tính trên số tiền ứng trước tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2014.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**7.2 Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi**

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
Số dư đầu kỳ	10.093.389.311	8.157.237.439
Số trích lập trong kỳ	-	280.752.994
Số hoàn nhập trong kỳ	-	(858.437.809)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10.093.389.311</b>	<b>7.579.552.624</b>

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

**8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Chi phí bảo trì hệ thống	1.293.827.957	447.135.523
Trả trước tiền thuê văn phòng	354.326.471	365.640.304
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.564.908.806	1.982.933.365
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.213.063.234</b>	<b>2.795.709.192</b>

Thay đổi trong chi phí trả trước ngắn hạn trong kỳ như sau:

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
Số dư đầu kỳ	2.795.709.192	2.848.309.878
Tăng trong kỳ	7.993.002.903	4.177.211.147
	10.788.712.095	10.788.712.095
Phân bổ trong kỳ	(7.575.648.861)	(5.095.337.420)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.213.063.234</b>	<b>1.930.183.605</b>

**8.2 Tài sản ngắn hạn khác**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Đặt cọc thuê văn phòng	3.173.332.540	3.026.332.540
Tạm ứng	343.990.038	159.612.000
Ký quỹ khác	95.321.249	227.724.031
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.612.643.827</b>	<b>3.413.668.571</b>



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

VNĐ

	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Số dư đầu kỳ	30.144.702.883	3.052.011.905	1.312.090.622	34.508.805.410
Tăng trong kỳ	341.000.000	-	-	341.000.000
Số dư cuối kỳ	30.485.702.883	3.052.011.905	1.312.090.622	34.849.805.410
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	12.055.486.657	1.379.274.405	25.098.740	13.459.859.802
<b>Giá trị hao mòn:</b>				
Số dư đầu kỳ	19.968.522.226	2.489.642.401	565.753.924	23.023.918.551
Khấu hao trong kỳ	1.597.240.802	151.334.691	130.790.755	1.879.366.248
Số dư cuối kỳ	21.565.763.028	2.640.977.092	696.544.679	24.903.284.799
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số dư đầu kỳ	10.176.180.657	562.369.504	746.336.698	11.484.886.859
Số dư cuối kỳ	8.919.939.855	411.034.813	615.545.943	9.946.520.611

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VNĐ

*Phần mềm tin học*

<b>Nguyên giá:</b>	
Số dư đầu kỳ	16.647.026.740
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	356.050.526
Tăng trong kỳ	5.280.000
Số dư cuối kỳ	17.008.357.266
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã khấu hao hết</i>	13.378.280.400
<b>Giá trị hao mòn:</b>	
Số dư đầu kỳ	14.166.229.251
Khấu hao trong kỳ	629.683.807
Số dư cuối kỳ	14.795.913.058
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số dư đầu kỳ	2.480.797.489
Số dư cuối kỳ	2.212.444.208

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	VNĐ	
	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2014</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</u>
Chi phí cải tạo văn phòng	2.769.703.888	3.623.664.793
Chi phí vật dụng văn phòng	3.169.823.476	4.016.447.934
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.939.527.364</u></b>	<b><u>7.640.112.727</u></b>

Thay đổi trong chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	VNĐ	
	<u>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</u>	<u>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</u>
Số dư đầu kỳ	7.640.112.727	1.292.983.490
Tăng trong kỳ	19.250.000	47.234.000
	7.659.362.727	1.340.217.490
Phân bổ trong kỳ	(1.719.835.363)	(716.572.068)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>5.939.527.364</u></b>	<b><u>623.645.422</u></b>

**12. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước, nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán trong kỳ như sau:

	VNĐ
Tiền nộp ban đầu	120.000.000
Tiền nộp bổ sung đến ngày 31 tháng 12 năm 2013	8.322.338.434
Lãi phân bổ trong năm 2008	4.040.362
Lãi nhận được đến ngày 31 tháng 12 năm 2013	702.637.370
<b>Số dư vào ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	<b><u>9.149.016.166</u></b>
Tiền nộp bổ sung trong sáu tháng đầu năm 2014	1.497.719.841
Lãi nhận được trong sáu tháng đầu năm 2014	1.002.280.159
<b>Số dư vào ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	<b><u>11.649.016.166</u></b>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

<i>Chỉ tiêu</i>	VNĐ			
	<i>Số dư đầu kỳ</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Số dư cuối kỳ</i>
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	1.402.719.346	10.586.901.304	(10.791.576.319)	1.198.044.331
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	441.730.703	4.734.284.418	(4.821.897.471)	354.117.650
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ nhà đầu tư tổ chức	21.696.177	510.252.466	(499.272.008)	32.676.635
Thuế giá trị gia tăng	-	405.491.499	(360.565.709)	44.925.790
Thuế nhà thầu	17.344.636	359.294.705	(365.098.334)	11.541.007
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.883.490.862</b>	<b>16.596.224.392</b>	<b>(16.838.409.841)</b>	<b>1.641.305.413</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Trích lương tháng 13	1.445.290.302	3.145.098.064
Phí môi giới phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán	804.624.208	925.282.806
Phí dịch vụ chuyên môn	334.271.250	533.593.500
Chi phí phải trả khác	2.619.688.441	2.481.893.454
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.203.874.201</b>	<b>7.085.867.824</b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Kinh phí công đoàn	219.555.065	-
Phải trả khác	472.623.574	110.869.634
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>692.178.639</b>	<b>110.869.634</b>

**16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Đây là các khoản tiền gửi của nhà đầu tư tại tài khoản của Công ty cho hoạt động đầu tư chứng khoán.

**17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ**

	VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
Khấu hao tài sản cố định	<b>10.118.718</b>	<b>10.118.718</b>

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do khác nhau giữa thời gian khấu hao theo chính sách kế toán của Công ty và Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1** *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
					VNĐ
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>3.556.412.666</b>	<b>3.556.412.667</b>	<b>17.554.791.668</b>	<b>324.667.617.001</b>
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.644.348.399	1.644.348.399
- Tăng vốn bằng tiền	315.000.000.000	-	-	-	315.000.000.000
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	<b>615.000.000.000</b>	<b>3.556.412.666</b>	<b>3.556.412.667</b>	<b>19.199.140.067</b>	<b>641.311.965.400</b>

Vào ngày 5 tháng 5 năm 2014, Công ty nhận được Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014, với nội dung tăng vốn điều lệ lên thành 615 tỷ đồng. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu với số tiền tăng thêm là 315 tỷ đồng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**18.2 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	VND		
	Vốn theo giấy phép thành lập và hoạt động	%	Vốn đã góp
Maybank Kim Eng Holdings Limited	615.000.000.000	100	615.000.000.000

**19. DOANH THU KHÁC**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
Doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ	24.811.052.106	17.914.288.187
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	6.931.442.805	7.187.293.174
Doanh thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	4.398.642.076	2.797.436.885
Doanh thu khác	2.226.243.928	2.200.732.663
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.367.380.915</b>	<b>30.099.750.909</b>

**20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
Chi phí nhân viên	18.580.523.162	19.835.769.963
Chi phí lãi vay	8.086.748.239	981.051.256
Chi phí môi giới chứng khoán	7.280.478.853	4.859.269.636
Hoa hồng đại lý	3.880.967.378	2.528.638.759
Chi phí thuê văn phòng	3.178.256.368	4.127.520.537
Chi phí lưu ký chứng khoán	1.221.730.162	1.075.700.237
Chi phí tư vấn	904.985.011	19.105.915
Chi phí khấu hao tài sản cố định	808.586.736	1.460.460.245
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	292.802.959	238.468.843
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	-	1.094.459.836
Chi phí khác	2.727.905.122	3.791.733.827
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46.962.983.990</b>	<b>40.012.179.054</b>

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
Chi phí nhân viên quản lý	19.462.421.784	13.846.088.940
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	4.022.135.991	1.691.788.823
Chi phí thuê văn phòng	2.688.480.887	1.059.026.369
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.700.463.319	2.072.560.571
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	666.342.757	95.888.667
Thuế, phí và lệ phí	35.373.000	59.150.434
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(577.684.815)
Chi phí khác bằng tiền	6.204.410.405	5.114.548.660
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.779.628.143</b>	<b>23.361.367.649</b>

**22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)**

**22.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

**22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) (tiếp theo)**

**22.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)**

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế</b>	<b>2.240.958.662</b>	<b>(3.044.506.679)</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	83.705.915	470.423.070
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
- Cổ tức	(85.200)	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>2.324.579.377</b>	<b>(2.574.083.609)</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	(2.324.579.377)	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các kỳ trước	596.610.263	3.326.082
<b>Thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>596.610.263</b>	<b>3.326.082</b>
Thuế TNDN phải thu đầu kỳ	(3.071.721.279)	(3.075.047.361)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	-
<b>Thuế TNDN phải thu cuối kỳ</b>	<b>(2.475.111.016)</b>	<b>(3.071.721.279)</b>

**22.2 Chuyển lỗ**

Theo quy định thuế hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ đó.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có khoản lỗ tính thuế mang sang là 16.908.477.359 đồng có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>VNĐ</i>
					<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
2013	2018	19.233.141.936	(2.324.579.377)	-	16.908.562.559

**22.3 Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 16.908.562.559 đồng do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i> <i>Giá trị</i>
Maybank Kim Eng Holdings Limited (MBKEH)	Công ty mẹ	Vay	229.758.300.000
		Trả gốc vay	293.058.300.000
		Trả lãi vay	2.677.764.206
Maybank Kim Eng Securities Private Limited	Công ty con của MBKEH	Trả hoa hồng	699.620.808
		Thu phí môi giới	10.525.358
Maybank Investment Bank Berhad	Công ty con của công ty chủ quản cấp cao nhất	Thu khác	94.545.220
		Chi khác	96.363.231
Maybank Kim Eng Securities (Thailand) Public Company Limited	Công ty con của MBKEH	Thu phí môi giới	32.206.080
Kim Eng Securities Limited (Hong Kong)	Công ty con của MBKEH	Thu phí môi giới	39.401.400
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Trả gốc vay	76.000.000.000
		Thu gốc tiền gửi có kỳ hạn	22.000.000.000
		Trả lãi vay	1.403.774.315
		Thu lãi tiền gửi	1.222.222
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Trả gốc vay	4.000.000.000
		Thu gốc tiền gửi có kỳ hạn	10.742.343.583
		Trả lãi vay	748.948.633
		Thu lãi tiền gửi	9.890.465

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i> <i>Phải thu/ (phải trả)</i>
Maybank Kim Eng Securities Private Limited	Công ty con của MBKEH	Phí hoa hồng	(107.244.831)
Maybank Investment Bank Berhad	Công ty con của công ty chủ quản cấp cao nhất	Phải thu khác	96.363.231
Kim Eng Securities Limited (Hong Kong)	Công ty con của MBKEH	Phải trả khác	(407.928.308)

**Các giao dịch với các bên liên quan khác trong kỳ:**

	<i>VNĐ</i>
Thu nhập của các thành viên Ban Tổng Giám đốc	2.252.679.143
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Thành viên	337.025.690
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.589.704.833</u></b>



## 24. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê các văn phòng cho trụ sở chính và các chi nhánh theo các hợp đồng thuê hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2014</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</u>
Đến 1 năm	9.050.295.265	8.699.901.244
Từ 1 đến 5 năm	23.643.320.869	31.812.572.134
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>32.693.616.134</u></b>	<b><u>40.512.473.378</u></b>

## 25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có phát sinh rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giá định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn, và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 vì đa phần các khoản vay trong kỳ này có lãi suất cố định.

**25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty là không đáng kể.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ giao dịch ký quỹ) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm giao dịch ký quỹ.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý rủi ro của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 4*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

**25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**Rủi ro thanh khoản** (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	VNĐ		
	<i>Bất cứ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	261.733.338.706	-	261.733.338.706
Chi phí phải trả			
- Phí môi giới phải trả cho Sở GDCK	804.624.208	-	804.624.208
- Phí dịch vụ chuyên môn	334.271.250	-	334.271.250
- Chi phí phải trả khác	2.619.688.441	-	2.619.688.441
	<b>265.491.922.605</b>	<b>-</b>	<b>265.491.922.605</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	-	153.580.661.454	153.580.661.454
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	247.188.442.651	-	247.188.442.651
Chi phí phải trả			
- Phí môi giới phải trả cho Sở GDCK	925.282.806	-	925.282.806
- Phí dịch vụ chuyên môn	533.593.500	-	533.593.500
- Chi phí phải trả khác	1.899.843.494	-	1.899.843.494
	<b>250.547.162.451</b>	<b>153.580.661.454</b>	<b>404.127.823.905</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty có nắm giữ các chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán, các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán.

Công ty cầm cố các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 82.000.000.000 đồng để đảm bảo cho các khoản vay tại một ngân hàng thương mại.

**26. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày sau đây chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam.

Phần bên dưới trình bày các thuyết minh bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210 đối với các công cụ tài chính.

***Tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ..

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

**27. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)**

***Tài sản tài chính*** (tiếp theo)

▪ ***Các khoản cho vay và phải thu:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▪ ***Tài sản sẵn sàng để bán:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

▪ ***Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ***

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

**27. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)**

***Nợ phải trả tài chính*** (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng  
(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

**27. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VNĐ
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý					
thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
- Chứng khoán thương mại	5.586.600	4.074.400	5.586.600	4.074.400	
Cổ phiếu niêm yết	369.693.162.999	342.552.288.659	(*)	(*)	
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	503.279.374.276	352.848.973.344	503.279.374.276	352.848.973.344	
Tiền và các khoản tương đương tiền					
<b>Tổng cộng</b>	<b>872.978.123.875</b>	<b>695.405.336.403</b>			
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Vay và nợ	-	153.580.661.454	(*)	(*)	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	261.733.338.706	247.189.686.210	(*)	(*)	
Chi phí phải trả	3.758.583.899	3.358.719.800	3.758.583.899	3.358.719.800	
<b>Tổng cộng</b>	<b>265.491.922.605</b>	<b>404.129.067.464</b>			

(\*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính này không thể xác định do các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc tính toán giá trị hợp lý.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng**  
(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

**26. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của chứng khoán thương mại đã niêm yết được xác định dựa trên giá công bố trên các thị trường có giao dịch.

**27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

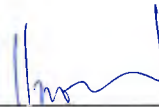
Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Đào Thị Ngọc Thủy  
Kế toán viên



Trần Thị Ngọc Hương  
Kế toán Trưởng



Nguyễn Hoàng Thiện Trúc  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2014